

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
HUYỆN CHÂU THÀNH NAM
TỈNH HẬU GIANG**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 21 – 01 – 2025

V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Kinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Trường
2. Ông Nguyễn Văn Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Truyền - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 186/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2024 về việc Tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đinh Tấn Đ, sinh năm: 1995 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Địa chỉ liên hệ: 84 S, ấp A, xã P, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Lâm Hồng N, sinh năm: 2001 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Đinh Tấn Đ trình bày:

Ông và bà N có quen biết, tìm hiểu từ tháng 8 năm 2018 khoảng 02 năm, sau đó đến tháng 12 năm 2020 tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P ngày 16 tháng 3 năm 2021.

Thời gian đầu ông Đ và bà N chung sống hạnh phúc, sau khi kết hôn thì ông bà chung sống tại nhà của ông Đ, đến năm 2022 chuyển lên thành phố Hồ Chí Minh sinh sống, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, cãi vã, không tôn trọng nhau trong quá trình chung sống. Dù ông Đ đã cố gắng hàn gắn nhiều lần nhưng không được. Ông Đ và bà N đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Nay ông Đ yêu cầu được ly hôn với bà Lâm Hồng N.

Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn bà Lâm Hồng N trình bày:

Bà bà ông Đình Tấn Đ quen biết nhau trong quá trình làm chung công ty và qua một khoảng thời gian tìm hiểu thì đi đến quyết định kết hôn. Nhưng trong thời gian cả hai chung sống với nhau thì đã xảy ra những mâu thuẫn, bất đồng quan điểm về lối sống. Nay bà N và ông Đ nhận thấy không hợp nhau nữa, không còn tiếng nói chung, nên bà N và ông Đ đồng ý quyết định ly hôn.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Về thủ tục tố tụng: Xác định việc thụ lý, hòa giải, thu thập chứng cứ cũng như thủ tục tố tụng tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định pháp luật, đảm bảo được quyền và lợi ích của đương sự. Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ tranh chấp xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành. Đề nghị áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227, 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q; Đề nghị:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

-Về quan hệ hôn nhân: Ông Đình Tấn Đ được ly hôn với bà Lâm Hồng N

-Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

-Về tài sản chung và nợ chung : Không có, không yêu cầu giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện thành vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Giữa ông Đ, bà N tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống, ông Đ và bà N phát sinh mâu thuẫn nên ông Đ nộp đơn yêu cầu ly hôn. Xét đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về nội dung giải quyết vụ án: Giữa ông Đ và bà N tự nguyện chung sống với nhau, tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện vào năm 2020 có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P ngày 16 tháng 3 năm 2021 nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống ông Đ cho rằng phát sinh nhiều mâu thuẫn, hay cự cãi, không tôn trọng nhau trong quá trình chung sống. Ông Đ đã hàn gắn nhiều lần nhưng không được nên ông Đ và bà N đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay.

[3.1] Xét thấy đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết ông Đ cương quyết xin ly hôn và không muốn hàn gắn, bà N đồng ý ly hôn với ông Đinh Tấn Đ nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Đinh Tấn Đ.

[4] Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Đ xác định không có, không yêu cầu giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện thành vụ án khác.

[6] Từ những tình tiết, chứng cứ nêu trên, xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Ông Đ phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự

năm 2015; Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Đinh Tấn Đ được ly hôn với bà Lâm Hồng N

2. Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện thành vụ án khác.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Đinh Tấn Đ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003410 ngày 05 tháng 12 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành thành tiền án phí (ông Đ đã nộp xong).

5. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CCTHADS h.Châu Thành;
- VKSND h.Châu Thành;
- UBND xã Phú Tân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Kính